

Bản án số: 384/2025/DS-PT

Ngày 12 - 9 - 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Tiêu Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 297/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đàm Văn H, sinh năm 1951.

Căn cước công dân số: 096051005924; Cấp ngày: 10/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã S, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sỹ L, sinh năm 1994; Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 25 tháng 8 năm 2025, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Đàm Thanh L1, sinh năm 1970 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096070012877; Cấp ngày: 16/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã S, tỉnh Cà Mau).

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964 (có mặt).

Căn cước số: 096164007665; Cấp ngày: 21/5/2025; Nơi cấp: Bộ C2

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã S, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Kiều P, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã S, tỉnh Cà Mau, vắng mặt).

2. Anh Đàm Ngọc T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3. Chị Đàm Thị Ngọc N, sinh năm 1985 (vắng mặt).

4. Bà Đàm Kim L2, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã S, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Ông Đàm Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, ông Đàm Văn H trình bày:*

Ông có phần đất với diện tích 3.478,2m², thuộc thửa số 213, bản đồ số 8, tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Về nguồn gốc đất do ông tự khai phá, được Ủy ban nhân dân huyện T cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BY 278226 ngày 25/12/2014. Ngày 20/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ký ban hành Quyết định số: 377/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số: 810/QĐ-UBND ngày 04/12/2014. Ông đang tiến hành lập thủ tục để được Cơ quan cấp có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất chứ không còn Nhà nước cho thuê đất thì ông Đàm Thanh L1 và bà Nguyễn Thị V ngang nhiên vô bao chiếm phần đất trên của ông. Ông L1 bao chiếm diện tích đất theo đo đạc thực tế 382,3m², bà Nguyễn Thị V bao chiếm với diện tích đất theo đo đạc thực tế diện tích 273,8m² thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nay, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết: Buộc Ông Đàm Thanh L1 và bà Nguyễn Thị V phải tháo dỡ bờ bao bằng đất để trả toàn bộ phần đất cho ông theo đo đạc thực tế trên.

Bị đơn ông Đàm Thanh L1 trình bày:

Năm 1977, cha mẹ ông là ông Đàm Văn L3 và bà Nguyễn Thị H1 khai phá được phần đất tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Sau khi cha ông mất vào ngày 29/07/1980, mẹ ông giao cho ông Đàm Văn H là anh thứ hai đứng đại diện kê khai đăng ký, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1995. Sau đó, ông H cấp đổi lại vào ngày 11/12/2014 tại các thửa 116

và 121 tờ bản đồ số 08, diện tích 31.954,9m²; còn phần đất 3.487,2m² do vượt hạn điền nên được cấp quyền sử dụng đất với hình thức cho thuê.

Đến năm 2016, mẹ ông họp gia đình chia đất cho tất cả các thành viên trong gia đình là mỗi người một phần đất từ tiền tới hậu, trong đó có cả phần đất 3.487,2m² đang có tranh chấp. Phần đất của mỗi người được phân chia như sau:

1. Đàm Văn H nhận đất chiều ngang 20m, dài từ tiền tới hậu khoảng 440m.
2. Đàm Văn B nhận đất chiều ngang 20m, dài từ tiền tới hậu khoảng 440m.
3. Đàm Kim L2 nhận đất chiều ngang 07m, dài từ tiền tới hậu khoảng 440m.
4. Đàm Kiến T1 nhận đất chiều ngang 07m, dài từ tiền tới hậu khoảng 440m.
5. Đàm Minh C nhận đất chiều ngang 07m, dài từ tiền tới hậu khoảng 440m.
6. Đàm Văn D nhận đất chiều ngang 7m, dài từ tiền đến hậu khoảng 400m.
7. Đàm Tuyết M nhận đất chiều ngang 7m, dài từ tiền đến hậu khoảng 400m.
8. Đàm Tấn S nhận đất chiều ngang 7m, dài từ tiền đến hậu khoảng 440m.

9. Đàm Thanh L1 nhận phần đất còn lại chiều ngang khoảng 8m (hiện tại đang sử dụng khoảng 10m), dài từ tiền tới hậu khoảng 440m.

Ông H đồng ý chia theo ý kiến của mẹ ông. Sau đó, ông H là người đại diện trực tiếp đi làm thủ tục tách thửa đất ra cho từng anh em và ông H cũng đứng đại diện cho gia đình ký Hợp đồng thuê đến với Ủy ban nhân dân huyện T vào ngày 24/12/2014 có diện tích 3.478,2m² được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY278226 cấp ngày 25/12/2014 diện tích 3.487,2m² với hình thức cho thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm. Phần đất được phân chia, anh em tôi đã quản lý và sử dụng ổn định từ tiền tới hậu khoảng 440m từ đó đến nay. Việc ông H được Ủy ban nhân dân huyện T cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là người đại diện cho hộ gia đình mà thôi, còn phần đất cũng là quyền sử dụng của mẹ tôi quản lý.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H và có yêu cầu phản tố yêu cầu được công nhận cho ông được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 382,3m² đất tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Thông nhất ý kiến trình bày của ông Đàm Thanh L1 về nguồn gốc đất tranh chấp. Đến năm 2016, mẹ chồng tôi kêu họp gia đình chia đất cho tất cả các thành viên trong gia đình và đồng ý cách phân chia theo ý kiến của mẹ chồng bà là mỗi người một phần đất từ tiền tới hậu, trong đó có cả phần đất 3.487,2m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vượt hạn mức. Phần đất đã phân chia xong, anh em bên chồng tôi thống nhất không chia lại, giữ nguyên hiện trạng như phân chia, lúc này ông H cũng không nói đất này là của riêng mình, mà đồng ý chia theo ý kiến của mẹ chồng tôi. Sau đó, ông H là người đại diện trực tiếp đi làm thủ tục tách thửa ra cho từng anh em trong gia đình, và ông H đại diện cho gia đình ký Hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân huyện T vào ngày 24/12/2014 có diện

tích 3.478.2m² phần đất do vượt hạn mức, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BY278226 cấp ngày 25/12/2014 diện tích 3.487,2m² với hình thức cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm. Phần đất được phân chia, anh em bên chồng bà đã quản lý và sử dụng ổn định từ tiền tới hậu khoảng 440m từ đó đến nay. Trong đó có phần đất của chồng bà ông Đàm Minh C đã chết hiện tại phần đất ông C đứng tên quyền sử dụng đất đã để thừa kế cho bà đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H và có yêu cầu phản tố yêu cầu được công nhận cho bà được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 273,8m² đất tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Kim L2 trình bày:

Sinh thời cha mẹ bà có khai phá phần đất bao nhiêu thì bà không biết, thời điểm cha mẹ bà khai phá đất thì anh em còn nhỏ, sau khi anh em lớn thì có gia đình riêng không ai can thiệp, trong coi đất nên mẹ bà kêu ông H, ông B về trong coi đất. Đến thời điểm nhà nước có chính sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm mẹ bà còn sống có kêu anh em họp gia đình nhưng không đầy đủ, theo ý kiến của mẹ bà phải chia đất cho các anh em trong gia đình từ tiền đến hậu đất. Hiện tại một phần đất tranh chấp mặt nước bà đang canh tác nuôi trồng thủy hải sản. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì, bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt ở các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đàm Ngọc T trình bày: Cha anh ông Đàm Minh C (chết), hiện tại phần đất tranh chấp của gia đình anh đang quản lý sử dụng, anh đồng ý để mẹ anh bà Nguyễn Thị V đứng đơn khởi kiện yêu cầu công nhận cho mẹ anh được quyền quản lý sử dụng hợp pháp phần đất tranh chấp, anh không có ý kiến gì, anh đồng ý với ý kiến của mẹ anh trong quá trình giải quyết vụ án, do điều kiện đi lại khó khăn anh đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục vắng mặt, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ở các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nếu có.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị Ngọc N trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của bà V, không có ý kiến khác, do điều kiện đi lại khó khăn đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục vắng mặt, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ở các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nếu có.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kiều P trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của chồng bà ông L1, không có ý kiến khác, do điều kiện đi lại khó khăn đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục vắng mặt, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ở các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nếu có.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau) quyết định:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn H đối với ông Đàm Thanh L1 và bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu ông L1 tháo dỡ bờ bao bằng đất trả phần đất tranh chấp diện tích 382,3m², yêu cầu bà V tháo dỡ bờ bao bằng đất trả phần đất có diện tích 273,8m² đất tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đàm Thanh L1, bà Nguyễn Thị V đối với ông Đàm Văn H.

Công nhận cho ông Đàm Thanh L1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 382,3m² (thửa số 2, loại đất NTS) và bà Nguyễn Thị V được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 273,8m² (thửa số 1, loại đất NTS) đất cùng tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Đàm Thanh L1 và bà Nguyễn Thị V có quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Mạnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 11/3/2025 của Công ty TNHH MTV T3)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/6/2025, ông Đàm Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đàm Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Sỹ L tranh luận: Phần đất tranh chấp, ông H là người đứng tên thuê đất là của ông H. Ông H không có tặng cho quyền sử dụng đất cho các anh em. Nay, ông yêu cầu ông L, bà V tháo dỡ bờ bao trả đất cho ông H.

Bị đơn, ông Đàm Thanh L1 tranh luận: Mẹ ông và các anh em thỏa thuận chia đất từ tiền đến hậu không có chừa lại phần đất như nguyên đơn trình bày.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị V không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xem làm rõ xem phần đất tranh chấp có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Đàm Văn H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đàm Văn H cho rằng, phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông H khai phá nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã S, tỉnh Cà Mau) ngày 19 tháng 01 năm 2022, ông H thừa nhận: “Phần đất vượt hạn điền có từ lúc ba má còn sống nhưng khai thác không hiệu quả. Ông 5 C1 kêu ba má vào đăng ký nhưng không vào nên ông H làm sổ đứng tên. Sau đó, bà H1 là mẹ ông H kêu ông H chia cho các anh em nên ông H đồng ý...”. Tại Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời ngày 07/01/2025, ông Nguyễn Hoài H2 là người ở cấp ranh trình bày: Phần đất tranh chấp là do ông 5 L4 (cha của ông H, ông L1) khai phá trong đó có ông Đàm Văn B là con ông 5 Lạc canh tác, khai phá. Ông biết được là do ở cấp ranh, còn ông H thì ông không thấy canh tác đất. Như vậy, phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do ông L4, bà H1 khai phá.

[2] Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Toàn bộ phần đất do ông L4, bà H1 khai phá đều do ông Đàm Văn H kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 thuộc thửa 111, 112 tờ bản đồ số 2 diện tích 27.700 m² nhưng khi cấp đổi lại theo bản đồ 2012 thì diện tích tăng lên là 35.442,1 m². Ủy ban nhân dân huyện T xác định có phần đất vượt hạn điền diện tích 3.487,2m² nên Ủy ban nhân dân huyện T tách thành 3 thửa gồm: Thửa 121 diện tích tờ bản đồ số 8 có tích 30.000 m² và thửa 116 tờ bản đồ số 8 có diện tích 1.954,9 m² được công nhận quyền sử dụng đất; còn thửa 213 tờ bản đồ số 8 có diện tích 3.487,2m² là phần đất vượt hạn điền nên được cho thuê. Tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 20214 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cho ông Đàm Văn H thuê phần đất diện tích 3.487,2m² thuộc thửa 213 tờ bản đồ số 8. Tuy nhiên, tại Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau đã thu hồi Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 20214 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau với nội dung: Thu hồi Quyết định số 810/QĐ-UBND là do phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 1995. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T đã xác định phần đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu nên không phải thuê đất mà công nhận quyền sử dụng đất. Xét phần đất, ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 nhưng có nguồn gốc do cha mẹ các đương sự khai phá. Tuy, ông H cho rằng phần đất của ông nhưng năm 2016, khi mẹ ông H họp các anh em ông H chia đất thì ông H đồng ý. Điều này được chính ông H thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Năm 2016, bà H1 đã họp gia đình chia phần đất từ tiền đến hậu cho các anh em ông H, ông L1 thì ông H đã tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng thửa 213 tờ bản đồ số 8 vào thời điểm năm 2016 là đất thuê của nhà nước nên không tách quyền sử dụng đất được. Hơn nữa, “TỜ CAM KẾT” thể hiện: Tất cả các anh em của ông H, ông L1 cam kết không đem người ngoài vào chôn phần đất được nhận, chỉ chôn thân tộc và tất cả thành viên gia đình điều cam kết và ký tên (BL 34). Điều này thể hiện phần đất này là của gia đình chứ không phải của cá nhân ông H.

[3] Xét thực tế sử dụng đất, ông L4, bà H1, ông B khai phá và trực tiếp sử dụng đất, rồi đến bà L2 đang canh tác trên đất. Ông H từ khi được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đến nay không trực tiếp sử dụng phần đất. Ông Đàm Thanh L1, bà Nguyễn Thị V sau khi được phân chia đất đã bao bờ phần đất được chia và sử dụng đến nay. Do đó, ông H lấy lý do quyền sử dụng đất do ông H đứng tên để cho rằng đất này của ông H và yêu cầu ông L1, bà V trả phần đất đã được bà H1 phân chia là không có căn cứ.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 181/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau).

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đàm Văn H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 181/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn H đối với ông Đàm Thanh L1 và bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu ông L1 tháo dỡ bờ bao bằng đất trả phần đất tranh chấp diện tích 382,3m², yêu cầu bà V tháo dỡ bờ bao bằng đất trả phần đất có diện tích 273,8m² đất tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đàm Thanh L1, bà Nguyễn Thị V đối với ông Đàm Văn H.

Công nhận cho ông Đàm Thanh L1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 382,3m² (thửa số 2, loại đất NTS) và bà Nguyễn Thị V được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 273,8m² (thửa số 1, loại đất NTS) đất cùng tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Đàm Thanh L1 và bà Nguyễn Thị V có quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Mạnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 11/3/2025 của Công ty TNHH MTV T3)

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đàm Văn H phải chịu chi phí đo đạc 8.121.000 đồng, đã thực hiện xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đàm Văn H được miễn nộp. Ông Đàm Thanh L1 không phải chịu án phí, ngày 07/02/2025, ông L1 có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005181 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đàm Văn H được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung